Họ tên: Ngô Thị Trang Giảng viên: Lê Thị Hòa

MSV: 201200371 SĐT: 0966818611

Lớp: CNTT6 – K61

Nhóm: 8

**Chương 1:**

**ĐCSVN RA ĐỜI VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN**

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN**

**Câu 1: Những nội dung của cương lĩnh chính trị đầu tiên tháng 2/1930. Ý nghĩa ĐCSVN ra đời**

* Những nội dung của luận cương chính trị:

## **Hoàn cảnh ra đời của cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng**

– Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng được đề ra tại Hội nghị hợp nhất của tổ chức Cộng sản trong nước có ý nghĩa như Đại hội để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị do đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đại biểu Quốc tế Cộng sản triệu tập và chủ trì, cùng với sự tham dự chính thức của hai đại biểu Đông Dương Cộng sản Đảng (06/1929); 02 đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng (10/1929) và một số đồng chí Việt Nam hoạt động ngoài nước.

– Hội nghị họp bí mật ở nhiều địa điểm khác nhau trên bán đảo Cửu Long, từ ngày 06/06 – 07/02/1930, đã thảo luận quyết định hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam và nhất trí thông qua 07 tài liệu, văn kiện, trong đó có 04 văn bản:

+ Chính cương vắn tắt của Đảng.

+ Sách lược vắn tắt của Đảng.

+ Chương trình tóm tắt của Đảng

+ Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hợp thành nội dung Cương lĩnh chính trị của Đảng. Tất cả các tài liệu, văn kiện nói trên đều do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo dựa trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối Đại hội VI (1928) của Quốc tế Cộng sản; nghiên cứu các Cương lĩnh chính trị của những tổ chức cộng sản trong nước, tình hình cách mạng thế giới và Đông Dương.

– Dù là vắn tắt, tóm tắt, song nội dung các tài liệu, văn kiện chủ yếu của Hội nghị được sắp xếp theo một logic hợp lý của một Cương lĩnh chính trị của Đảng.

## **Nội dung cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng**

**1. Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam**:

**Luận cứ 1:**

- Đảng chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản:

+ Cách mạng tư sản dân quyền là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng cộng sản lãnh đạo.

+ Thổ địa cách mạng là cuộc cách mạng giải quyết vấn đề ruộng đất cho dân nghèo cày.

+ Xã hội Cộng Sản là mô hình tiến bộ của loài người theo Mác.·

**Luận cứ 2:**

- Mục đích cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng: Đây là cuộc vận động thứ nhất nhằm giải quyết hai mâu thuẫn cơ bản trong lòng xã hội Việt Nam thuộc địa nửa phong kiến là mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp.

**Luận cứ 3:**

- Sau khi hoàn thành CM tư sản dân quyền và thổ địa cm (cuộc vận động 1) , Việt Nam đã đi tới xã hội cộng sản (cuộc vận động 2).

-> Hai cuộc vận động này có quan hệ mật thiết với nhau , thúc đẩy và ảnh hưởng lẫn nhau.

***2. Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng****:* 3 nhiệm vụ chính:

+ **Chính trị**:

* Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập;
* Dựng ra chính phủ công nông binh và tổ chức quân đội công nông.

+ **Kinh tế**:

* Quốc hữu hóa toàn bộ tài sản lớn của đế quốc Pháp (như công trình giao thông, nhà máy, xí nghiệp, ngân hàng…) giao cho chính phủ Công Nông Binh quản lý;
* Tịch thu toàn bộ ruộng đất của đế quốc làm của công và chia cho dân cày nghèo;
* Giảm sưu thuế cho dân cày nghèo;
* Mở mang (phát triển) công nghiệp, nông nghiêp, thực hiện luật ngày làm 8 giờ.

+ **Văn hoá, xã hội**:

* Dân chúng được tự do tổ chức (như tự do đi lại, hội họp, ngôn luận, báo chí…);
* Thực hiện nam nữ bình đẳng;
* Phổ thông giáo dục theo hướng công nông hoá.

=> Như vậy, cuộc cách mang có ba nhiêm vụ nhưng thực chất là giải quyết hai vấn đề cơ bản của cách mang VN, đó là vấn đề chống đế quốc và chống phong kiến, trong đó nhiệm vụ chống đế quốc là hàng đầu.

**3. *Lực lượng cách mạng****:*

+ Công nhân và nông dân là lực lượng đông đảo của cách mạng, trong đó, Đảng phải vận động và thu phục được đông đảo công nhân làm cho giai cấp công nhân lãnh đạo được dân chúng; Đảng phải thu phục được đông đảo nông dân, dựa vững vào nông dân nghèo để lãnh đạo họ làm cách mạng ruộng đất.

+ Đảng phải lôi kéo được tiểu tư sản, trí thức, trung nông… đi về phía cách mạng; lợi dụng hoặc trung lập phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản Việt Nam… (nếu chưa lộ măt phản cách mạng). Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ (như Đảng Lập hiến…).

+ Trong khi liên minh với các giai cấp phải thận trọng, không đi vào con đường thoả hiệp với kẻ thù.

***4. Lãnh đạo cách mạng***: giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Đảng đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn, nhằm giải phóng toàn thể dân tộc VN. “*Đảng có vững, cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy*”. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.

## ***5.******Quan hệ quốc tế*:** Cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới. Cách mạng Việt Nam muốn giành thắng lợi, Đảng phải liên kết với những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới nhất là với quần chúng vô sản Pháp, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

## **Ý nghĩa của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng**

– Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là một cương lĩnh đúng đắn và sáng tạo theo con đường cách mạng Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, đáp ứng yêu cầu khách quan của lịch sử, nhuần nhuyễn quan điểm giai cấp và thấm nhuần tinh thần dân tộc.

- Khẳng định đảng lãnh đạo tài tình và đúng đắn,đưa Việt Nam từ chiến thắng này đến chiến thắng khác.

## **Hạn chế cương lĩnh chính trị đầu tiên:**

Bản luận cương đã khẳng định lại nhiều vấn đề mà cương lĩnh đã nêu ra: đường lối cách mạng, lực lượng cách mạng, đoàn kết quốc tế, vai trò lãnh đạo của Đảng. Luận cương của Trần Phú có những điểm sáng tạo hơn như đã đề ra phương pháp cách mạng, nguyên tắc Đảng của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Tuy nhiên cương lĩnh chính trị đầu tiên còn có một số hạn chế như sau:

– Luận cương đã không vạch ra được đâu là mâu thuẫn chủ yếu của xã hội thuộc địa coi trọng vấn đề chống phong kiến không phù hợp với cách mạng Việt Nam.

– Không đề ra được mối liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh dân tộc và bọn tay sai.

– Đánh giá không đúng vai trò vị trí của các giai cấp tầng lớp khác do đó không lôi kéo được bộ phận có tinh thần yêu nước.

* Ý nghĩa ĐCSVN ra đời

**\* Đảng là kết hợp ba yếu tố**

- ĐCSVN ra đời là sản phẩm kết hợp của 3 yếu tố CN Mác Lênin, phong trào yêu nước phong trào công nhân

- Quy luật chung của sự hình thành ĐCS trên TG là sản phẩm của sự kết hợp của CN Mác Lênin và phong trào công nhân

- ĐCSVN ra đời ngoài tuân thủ quy luật chung thì có thêm một yếu tố nữa là phong trào yêu nước, vì dân tộc VN có truyền thống yêu nước nồng nàn, có nghìn năm giữ gìn dân tộc , có lòng yêu nước nồng nàn - quy luật đặc thù và là sự vận dụng sáng tạo phù hợp với thực tiễn VN

- Phong trào yêu nước trở thành 1 yếu tố độc lập kết hợp với CN Mác Lênin và phong trào công nhân để tạo nên sự ra đời vào t2 năm 1930 la phong trào yêu nước theo khuynh hướng cách mạng vô sản

+ Vai trò của HCM: Ngày 5/6/1911 Người đã ra đi tìm đường cứu nước , Khi bôn ba Người đã tiếp thu chủ nghĩa Mac-Lenin . Sau đó 11921 Người đã truyền bá tư tưởng này vào nước ta bằng nhiều cách .

+ 6/1925 : Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ra đời .Đã ra tờ báo thanh niên để tuyên truyền tổ chức này , đây là tờ báo yêu nước nước đứng trên lập trường đại diện cho cách mạng vô sản do Bác trực tiếp lãnh đạo .

+ 1928, VN CM thanh niên tổ chức vô sản hóa (đưa những thanh niên được đào tạo từ Trung Quốc về để trực tiếp giác ngộ và truyền bá CN Mác Lênin -> thúc đẩy phong trào CM vô sản lên đến đỉnh cao -> đòi hỏi 1 chính đảng ra đời để lãnh đạo đảng phải ra đời

+ 1929-1930, các tổ chức cộng sản lần lượt ra đời: An Nam Cộng sản Đảng , Đông Dương Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn ,…

+ 2/1930 HCM đã hợp nhất các đảng thành 1 chính đảng duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam, với mục tiêu lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam tiến hành giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người tiến lên chủ nghĩa xã hội.

+ Năm 1930, ĐCSVN ra đời, cũng là lúc Việt Nam Quốc dân Đảng tan rã. Cùng với sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái, sứ mệnh lịch sử của giai cấp tư sản kết thúc. Ngọn cờ phản đế, phản phong được chuyển qua tay giai cấp công nhân. ĐCS trở thành người nắm quyền lãnh đạo cách mạng, cuộc đấu tranh giành quyền lãnh đạo giữa hai giai cấp vô sản và tư sản kết thúc, mà thắng lợi thuộc về giai cấp vô sản.

+ ĐCS ra đời là sản phẩm của lịch sử đấu tranh dân tộc và giải quyết yêu cầu của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới, là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam.

+ ĐCS ra đời là sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam. Từ đây, cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo duy nhất của ĐCSVN - Một Đảng mác-xít kiên cường, có đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo, đủ sức đương đầu với mọi kẻ thù và sẽ dẫn dắt dân tộc giành những thắng lợi vẻ vang trong lịch sử dân tộc.

**Nếu không có phong trào yêu nước thì ĐCSVN vẫn ra đời** vì phong trào yêu nước chỉ như 1 chất xúc tác thúc đẩy ĐCSVN ra đời sớm hơn tuy nhiên nếu không có thì ĐCS vẫn ra đời nhưng muộn hơn vì phải chờ giai cấp công nhân trưởng thành, tự giác ngộ

\* **Ý nghĩa**

Năm 1930, ĐCSVN ra đời, cũng là lúc Việt Nam Quốc dân Đảng tan rã. Cùng với sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái, sứ mệnh lịch sử của giai cấp tư sản kết thúc. Ngọn cờ phản đế, phản phong được chuyển qua tay giai cấp công nhân. ĐCS trở thành người nắm quyền lãnh đạo cách mạng, cuộc đấu tranh giành quyền lãnh đạo giữa hai giai cấp vô sản và tư sản kết thúc, mà thắng lợi thuộc về giai cấp vô sản.

- ĐCS ra đời là sản phẩm của lịch sử đấu tranh dân tộc và giải quyết yêu cầu của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới, là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam.

- ĐCS ra đời là sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam. Từ đây, cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo duy nhất của ĐCSVN - một Đảng mác-xít kiên cường, có đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo, đủ sức đương đầu với mọi kẻ thù và sẽ dẫn dắt dân tộc giành những thắng lợi vẻ vang trong lịch sử dân tộc.

**Câu 2: Làm rõ những nội dung của luận cương chính trị tháng 10/1930. Hạn chế của luận cương**

\***Nội dung HNTW lần thứ nhất và Luận cương chánh trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (Dự án để thảo luận trong Đảng)**

- Từ ngày 14 đến 31-10-1930, Ban chấp hành Trung ương họp hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc), do đồng chí Trần Phú chủ trì

*-* ***Nội dung hội nghị****: (3 nội dung chính)*

+ Quyết định đổi tên Đảng từ ĐCSVN thành Đảng CSĐD

+ Hội nghị quyết định "thủ tiêu Chánh cương sách lược và Điều lệ cũ của Đảng" và chỉ rõ: phải dựa và nghị quyết của Quốc tế Cộng sản, chính sách và kế hoạch của Đảng “làm căn bổn mà chỉnh đốn nội bộ, làm cho Đảng Bônsơvích hoá”.

+ Cử ban chấp hành Trung ương chính thức do Trần Phú làm tổng bí thư

*-* ***Nội dung Luận cương****: (7 nội dung chính)*

+ *Xác định mâu thuẫn giai cấp* ngày càng diễn ra gay gắt ở Việt Nam, Lào và Cao Miên là “một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa”.

+ *Về phương hướng chiến lược của cách mạng*, Luận cương nêu rõ tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc “*cách mạng tư sản dân quyền*”, “*có tính chất thổ địa và phản đế*”. Sau đó sẽ tiếp tục “*phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bổn mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa*”.

+ Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải

* “*đánh đổ phong kiến, giành lại ruộng đất cho dân cày*”
* “*đánh đổ đế quốc (chủ nghĩa Pháp), dành lại độc lập dân tộc*”.

🡪 Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau. Luận cương nhấn mạnh: “*Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền*”, là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

+ *Lực lượng cách mạng*: Giai cấp công nhân và nông dân là hai động chính của cách mạng tư sản dân quyền, các giai cấp khác đều coi là phản động

***Note:***

*T10/1930: công nhận công nhân và nông dân là lực lượng chính, các lực lượng khác coi là phản động, chỉ nhìn thấy lòng yêu nước của công nhân và nông dân*

*T2/1930: công nhận công nhân và nông dân là lực lượng chính, vận động, thu phực đc tầng lớp nào thì thu phục, loại bỏ thành phần phản quốc*

*Giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó giai cấp vô sản là động lực chính và mạnh*

*Các phần tử lao khổ ở thành phố (người bán rao, thủ công nghiệp nhỏ) do đời sống cực khổ nên đều tham gia cm*

+ *Về phương pháp cách mạng*, Luận cương dùng vũ trang bạo động để làm cách mạng. Vũ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, “phải tuân theo khuôn phép nhà binh”.

+ *Về lãnh đạo cách mạng,* Luận cương khẳng định: “điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng cộng sản có một đường chánh trị đúng có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành”.

+ Đoàn kết quốc tế: Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, vì thế giai cấp vô sản Đông Dương phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là giai cấp vô sản Pháp, và phải mật thiết liên hệ với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa .

***- Hạn chế của luận cương****:*

+ Luận cương chính trị tháng 10-1930 đã xác định nhiều vấn đề cơ bản về chiến lược cách mạng. Tuy nhiên, Luận cương đã:

* Không vạch rõ mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam thuộc địa, không nhấn mạnh

nhiệm vụ chống đế quốc để giải phóng dân tộc, mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.

* Luận cương chỉ nhìn thấy vai trò của công nhân và nông dân mà không thấy được

vai trò, tinh thần yêu nước của các giai tầng khác trong xã hội, vì vậy không đề ra được một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc và tay sai.

* ***Nguyên nhân*** của những hạn chế đó là do

+ *Nhận thức chưa đầy đủ về thực tiễn cách mạng thuộc địa*,

+ *Chịu ảnh hưởng của tư tưởng tả khuynh*

nhấn mạnh một chiều đấu tranh giai cấp đang tồn tại trong Quốc tế Cộng sản và một số Đảng Cộng sản anh em trong thời gian đó.

+ Những hạn chế của Đảng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc, giữa hai nhiệm vụ giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất, cũng như trong việc tập hợp lực lượng cách mạng còn tiếp tục kéo dài trong nhiều năm sau.

**Câu 3: Làm rõ chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng 1939-1941? HNTW nào trong giai đoạn này đã khắc phục đc hạn chế của LCCT 10/1930?**

***a. Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng (1939-1941)***

**\* Bối cảnh lịch sử**

+ Thế giới:

- Ngày 1/9/1939, Đức bất ngờ tấn công Ba lan. Ngày 3/9/1939, Anh và Pháp tuyên chiến với Đức. Như vậy, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

- Tại nước Pháp, chính phủ Đalađiê (Daladier) thi hành một loạt biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. Mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ.

- Tháng 6-1940, Đức tiến công Pháp. Chính phủ Đờ Gôn (De Gaulle) bỏ chạy. Chính phủ phản động Pêtanh (Pétain) lên cầm quyền. Tháng 6-1941, Đức tiến công Liên Xô, chiến tranh lan rộng. Tháng 12-1941, chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ. Quân Nhật lần lượt đánh chiếm nhiều thuộc địa của Mỹ và Anh ở trên biển và trong đất liền, cuộc chiến tranh lan rộng ra toàn thế giới.

+ Đông Dương :

Thực dân Pháp tăng cường bộ máy đàn áp, lệnh thiết quân luật được ban bố. Ngày 28-9-1939 Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội, đoàn, đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người…

- Thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng; thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy” nhằm tăng cường vơ vét sức người, sức của để phục vụ cuộc chiến tranh đế quốc.

- Nguyên nhân chính dẫn đến Đảng chuyển hướng chỉ đạo chiến lược: Tháng 9-1940, Nhật xâm lược Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng và câu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương, làm cho nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”, mâu thuẫn dân tộc phát triển sâu sắc, đòi hỏi cần phải giải quyết cấp bách. Vì vậy, Đảng chuyển hướng chỉ đạo chiến lược.

\* Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

+ Thể hiện ở các văn kiện :

- Thông cáo của ĐCSĐD, ngày 29-9-1939, “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”

- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần 6, họp tháng 11-1939, tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định), do đồng chí Nguyễn Văn Cừ chủ trì.

- Hội nghị Trung ương 7, thán 11/ 1940, tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh).

- Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng vào tháng 5-1941, ở Pắc Pó Cao Bằng, do Nguyễn Ái Quốc chủ trì.

+ Nội dung chủ trương: 5 nội dung

**1. Mối quan hệ giữa 2 nhiệm vụ chiến lược(Chống đế quốc và chống phong kiến)**

Mối quan hệ : Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam đó là :chống đế quốc để giải phóng dân tộc và chống phong kiến để người cày có ruộng, nhưng lúc này nhiệm vụ chống đế quốc đế quốc được đặt lên hàng đầu, còn nhiệm vụ chống phong kiến thì thực hiện từng bước để phục vụ cho mục tiêu số 1 là Giải Phóng Dân Tộc

**Hội nghị trung ương 6(11-1939) :**

+)Đối với nhiệm vụ chống đế quốc giải phóng dân tộc

-Hội nghị nhận định: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng để giải phóng dân tộc”.

-Sau khi nhận định hội nghị mới quyết định chuyển hướng chỉ đạo đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

+)Đối với nhiệm vụ chống phong kiến

Đối với nhiệm vụ chống phong kiến, hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất” mà thay bằng các khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay nặng lãi, tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc chia cho dân cày, Nhằmtập hợp mọi lực lượng để giải phóng dân tộc.

**Hội nghị Trung ương 8 (5/1941)**

Hội nghị khẳng định: Cách mạng ĐD lúc này không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền có tính chất phản đế và thổ địa nữa, mà là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp là “dân tộc giải phóng”. Hội nghị quyết định tiếp tục chuyển hướng chiến lược đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

\*\*Điểm hoàn thiện hơn so với hội nghị trung ương 6(11/1939)

- vấn đề dân tộc được giải quyết trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, ba nước có thể hỗ trợ lẫn nhau nhưng không lệ thuộc vào nhau.

-Đối với nhiệm vụ chống phong kiến, Hội nghị quyết định tiếp tục tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất”, mà thay bằng các khẩu hiệu, tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo,chia lại ruộng đất công cho nông dân, giảm tô, giảm tức… ->Thực hiện 1 bước quyền lợi đối với nông dân

- Chỉ tập chung vào Viêt gian và đế quốc những người đã lộ rõ mặt phản cách mạng nên chỉ có thế đánh đổ không thể lôi kéo

**2. Chủ trương thành lập MTDTTN nhằm tập hợp mọi lực lượng, phục vụ cho nhệm vụ giải phóng dân tộc.**

a) Hội nghị Trung ương 6 (11/1939):

Chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (thay cho mặt trận dân chủ Đông Dương), đoàn kết tất cả các dân tộc, các giai cấp, đảng phái và cá nhân yêu nước ở Đông Dương để chống thực dân Pháp và tay sai giành độc lập cho dân tộc.

b) Hội nghị Trung ương 8 (5/1941):

* Từ việc khẳng định vấn đề dân tộc được giải quyết trong khuôn khổ từng nước

Đông Dương, hội nghị chủ trương thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng. -> vì vấn đề dân tộc được giải quyết trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, ba nước có thể hỗ trợ lẫn nhau nhưng không lệ thuộc vào nhau.

* Ở Việt Nam chủ trương thành lâp Hội Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Việt

Minh, nòng cốt của mặt trận là các đoàn thể Cứu quốc.

* Ở Lào là Ai Lao độc lập đồng minh.
* Ở Campuchia là Cao Miên độc lập đồng minh.
* Ý nghĩa của những tên Việt Minh , Ai Lao độc lập đồng minh , Cao Miên độc lập

đồng minh : Các nước Đông Dương đứng về phía đồng minh chống phát xít, chống chiến tranh giành độc lập cho dân tộc.

=> Mục tiêu số 1 là độc lập dân tộc , đứng về phía đồng minh để giành độc lập , giải phóng dân tộc

**3. Vấn đề khởi nghĩa vũ trang**

-Hội nghị Trung ương lần 7 (tháng 11-1940) quyết định đưa khởi nghĩa vũ trang vào chương trình nghị sự. . Hội nghị quyết định duy trì đội du kích Bắc Sơn và chủ trương hoãn cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ, vì chưa đủ điều kiện.

- Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5/1941), khẳng định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân trong giai đoạn hiện tại.

Phải chuẩn bị về lực lượng chính trị, vũ trang, căn cứ địa cách mạng… để khi thời cơ đến sẽ tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

\*\* Điểm hoàn thiện hơn so với Hội nghị TW 7

* Khẳng định khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trọng tâm
* Chuẩn bị lực lượng chính trị, vũ trang, căn cứ đại cách mạng
* Hội nghị đã đưa ra được phương châm khởi nghĩa, đi từ khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương thắng lợi, tiến tới 1 cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền

**4. Mô hình nhà nước**

+ Hội nghị Trung ương 6 chủ trương nếu cách mạng thành công sẽ thành lập Liên bang cộng hòa dân chủ Đông Dương.

+ Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) khẳng định thi hành chính sách “dân tộc tự quyết”. Sau khi đánh đuổi Pháp-Nhật, các dân tộc trên cõi Đông Dương sẽ tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành lập một quốc gia độc lập tùy ý. Đối với VN, hội nghị chủ trương: sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần tân dân chủ. Chọn Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng năm cánh.

\*\* Điểm hoàn thiện hơn HNTW 6: các dân tộc Đông Dương tách ra khỏi liên bang, thành lập 1 quốc gia độc lập tùy ý.

**5. Vấn đề xây dựng Đảng**

Các hội nghị Trung ương của Đảng đều chú trọng công tác xây dựng Đảng như đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuẩn bị cho CMT8. Vì vậy, trong cách mạng tháng Tám có 20.000 đảng viên và một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

* ***Ý nghĩa của chủ trương***

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh chủ trương chiến lược được đề ra từ Hội nghị tháng 11-1939, khắc phục triệt để những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930, khẳng định lại đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc. Đó là ngọn cờ dẫn đường cho toàn dân Việt Nam đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị lực lượng, tiến lên trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập tự do.

**Câu 4: Làm rõ nguyên nhân thành công, ý nghĩa LS và kinh nghiệm của CMT8?**

*\* Nguyên nhân thành công*

*Cách mạng T8 thành công ko phải do ăn may mà là sự kết hợp giữa đk khách quan và chủ quan*

* *Nguyên nhân khách quan:*

- Thế giới:

+1945, CTTGT2 kết thúc bằng sự kiện 9/5/1945 Phát Xít Đức đầu hàng vô điều kiện quân đồng minh , chiến tranh kết thúc ở châu Âu thi theo tinh thần của hội nghị pốt Xđam (1945) Hồng quân Liên Xô tiền vào Đông Bắc Trung Quốc và tiêu diệt hơn 1 triệu quân Tam Đông của Nhật và giải phóng toàn bộ Đông Bắc Trung Quốc.

+Ngày 6, 8 Mỹ đã ném 2 quả bom nguyên tử vào 2 thành phố của nhật là Hỉroshimavà Nagasaki.

+10/8 đồng minh yêu cầu Nhật phải đầu hàng

+14/8 Nhật đầu hàng vô điều kiện -> chiến tranh (thế giới) kết thúc về phe đồng minh

- Ở Đông Dương:

+ Pháp bị Nhật đánh bại, Nhật thất bại triệt để dưới tay phe đồng minh là điều kiện thuận lợi cho các nước Đông Dương và toàn bộ các nước thuộc địa của Pháp

(1945, Việt Nam là nước duy nhất dành chính quyền ở Đông Nam Á)

* *Nguyên nhân chủ quan:*

+ Đảng ta đã vạch ra đường lối tài tình, sáng tạo trong xuyên suốt 15 năm thông qua 3 phong trào cách mạng 30-35, 36-39, 39-45 (cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã dương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc khi tình hình, thời cơ đến Hội nghị TW 6,7,8 đã chuyển hướng đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu )

Hội nghị toàn quốc đã quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay Nhật trước khi quân đồng minh vào Đông Dương

+ Đảng đã xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc (xây dựng mặt trận Việt Minh, đã tranh thủ mọi lực lượng có thể để tập trung cho mục tiêu số 1 là giải phóng dân tộc, lực lượng chính trị hùng hậu được xây dựng trong mặt trận Việt Minh với nòng cốt là các đoàn thể cứu quốc thu hút mọi giai tầng xã hội với lực lượng hùng hậu )

+ Đảng đã đánh giá đúng tình hình và chớp được thời cơ (vì chiến tranh bước vào giai đoạn kết thúc với sự thắng lợi của Đồng Minh và liên Xô , Nhật đầu hàng quân đồng minh , Trong bối cảnh như vậy Pháp thì đã bị quân Nhật đảo chính ngày 9 /3 /1945. Trong bối cảnh ngàn năm có 1 đã tới thì Ngày 13/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ Tay Nhật trước khi quân Đồng Minh vào Đông Dương . Ngay đêm hôm đó, Ủy ban Chỉ huy lâm thời Khu giải phóng đã hạ lệnh khởi nghĩa. Cuộc tổng khởi nghĩa dành chính quyền dành thắng lợi nhanh gọn và ít đổ máu.)

+ Đảng xây dựng Đảng 1 đội ngũ đảng viên có 5000 Đảng viên có phẩm chất đạo đức tốt , năng lực lãnh đạo tốt , đoàn kết toàn dân lãnh đạo CM dẫn đến thành công.

+ Dân ta có lòng yêu nước nồng nàn dưới sự lãnh đạo của Đảng ( cái truyền thống đó được nhân gấp trăm gấp nghìn lần thông qua cái đường lối của Đảng dưới sự lãnh đạo của Đảng đoàn kết được mọi lực lượng có thể đoàn kết , tranh thủ mọi lực lượng có thể tranh thủ mục tiêu số 1 là giải phóng dân tộc …

=> CMT8 giành thắng lợi nhanh gọn ít đổ máu là sự kết hợp giữa điều kiện khách quan và chủ quan

*\* Ý nghĩa:*

+) Thắng lợi của cm t8 đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân pháp trong gần một thế kỷ, lật nhào chế độ quân chủ hàng mấy nghìn năm và ách thống trị của phát xít nhật, đưa nhân dân vn từ nô lệ trở thành người dân của nước độc lập tự do.

+) Thắng lợi của cm t8 đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc vn, đưa dân ta bước vào kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập tự do và cnxh.

+) Góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa MLN, kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

+) Cách mạng t8 thắng lợi cổ vũ mạnh mẽ cho nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

*\* Kinh nghiệm:*

Cách mạng Tháng Tám thành công để lại cho Đảng và nhân dân Việt Nam nhiều kinh nghiệm quý báu.

+) Một là, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc,

+) 2 là kết hợp đúng đắn 2 nhiệm vụ chống đế quốc và chống pk- hai nhiệm vụ ko thể tách rời nhau. Tuy 2 nhiệm vụ ko tách rời nhau nhưng nhiệm vụ chống đế quốc là chủ yếu nhất.(giải quyết đúng đắn mối quan hệ 2 nhiệm vụ là chống đế quốc và phong kiến )

//+) Hai là, toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công nông. Cm t8 thắng lợi là nhờ cuộc đấu tranh yêu nước ảnh hưởng của 20tr người vn. Đạo quân chủ lực được xd và làm nền tảng. Đảng xd được khối đoàn kết dân tộc, động viên toàn dân tổng khởi nghĩa thắng lợi

+) Ba là, đảng đã lợi dụng được mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa phát xít, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và mọt bộ phận thế lực địa chủ pk. Nhờ vậy mà cm t8 giành được thắng lợi nhanh chóng, ít đổ máu.(xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thông qua mặt trận Việt Minh trên nền tảng liên minh công nhân và nông dân )

+) Bốn là kiên quyết dùng bạo lực cm và biết sử dụng bạo lực cm một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy của nhân dân.

+) Năm là nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, vừa vận dụng nguyên lý của CN MLN vừa chọn đúng thời cơ. (nhận định, nắm bắt, chớp đúng thời cơ /\*khẳng định kinh nghiệm, quyết định đúng thời cơ\*/ để giành thắng lợi nhanh gọn, ít đổ máu )

+) Sáu là xd một đảng đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền( xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh )

**Chương 2  
ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN  
GIÀNH ĐỘC LẬP HOÀN TOÀN, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC,   
XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ MIỀN BẮC (1945 - 1975)**

**Câu 1: Làm rõ nội dung đường lối kháng chiến chống pháp và những thắng lợi quân sự tiêu biểu 1946-1954**

* ***Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược***

***\* Hoàn cảnh lịch sử***

**1.**Thuận lợi và khó khăn của Việt Nam sau Cách Mạng T8:

­- Việt Nam có những **thuận lợi** như: Đất nước giành được độc lập,nhà nước ViỆt Nam dân chủ Cộng hòa mới ra đời,nhân dân từ nô lệ trở thành người làm chủ đất nước.

- Nước ta đối mặt với vô vàn **khó khăn:** giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm đã đưa vận mệnh dân tộc trở nên ngàn cân treo sợi tóc.

- Thực hiện chủ trương đúng đắn của Đảng và Bác đã đưa đất nước ta thoát khỏi tình thế hiểm nghèo.

**2.**Nhân nhượng của nước ta với Pháp:

- Đối với Pháp ta đã **nhân nhượng** khi kí hiệp định 6/3, tạm ước 14/9, đàm phán với Pháp tại Hội nghị trù bị Đà Lạt, Hội nghị Phôngtenơblô, nhưng thực dân Pháp ngày càng bộ lộ dã tâm muốn cướp nước ta một lần nữa.

**3.**Dã tâm của Pháp đã thực hiện bằng những hành động:

- 11/1946, Pháp cho quân đổ bộ chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, Đà Nẵng…

- 12/1946, Pháp ngang nhiên chiếm Bộ Tài Chính, Bộ Giao thông công chính, ngang nhiên bắn chết bộ đội, công an của ta.

- Đặc biệt, 17-18/12/1946, Pháp gây ra vụ tàn sát đẫm máu ở phố Yên Ninh-Hàng Bún, Hà Nội làm hàng tram đồng bào vô tội bị giết.

- 20 giờ ngày 18/12/1946, đại diện của Pháp đã gửi tối hậu thư cho chính phủ ta, yêu cầu phải giải tán lực lượng vũ trang và trao quyền kiểm soát Hà Nội cho chúng.

**4.** Như vậy, chúng ta càng nhân nhượng thì thực dân Pháp càng lấn tới. Dân tộc Việt Nam đứng trước **hai sự lựa chọn**, một là tự do; hai là, quay trở lại cuộc đời nô lệ.

- Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời **kêu gọi toàn quốc kháng** **chiến,** khẳng định quyết tâm sắt đá của nhân dân ta quyết kháng chiến đến cùng để bảo vệ nền độc lập, tự do.

=> Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

***\* Nội dung đường lối kháng chiến của Đảng***

**- *Thể hiện qua các văn kiện*:**

+ Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” của Trung ương Đảng 12/1946

+ Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch HCM ngày 19/12/1946

+ Phân tích trong tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của tổng bí thư Trường Chinh (3/1947)

**- *Nội dung cơ bản*:**

**1. Mục đích của kháng chiến** là "*đánh phản động thực dân Pháp xâm lược; giành thống nhất và độc lập”,* mang lại hạnh phúc tự do cho nhân dân, bảo vệ thành quả của CMT8, góp phần bảo vệ hòa bình khu vực và thế giới.

***2.* Tính chất của cuộc kháng chiến***:*

***Tính chất GPDT****:* cuộc kháng chiến chống Pháp là kế tục sự nghiệp cách mạng Tháng Tám, nhằm giải phóng dân tộc Việt Nam ra khỏi ách thống trị của thực dân Pháp và tay sai nên cuộc kháng chiến mang tính chất GPDT.

***Dân chủ mới****:*

* Thêm một nhiệm vụ đó là xây dựng*,* củng cố chế độ dân chủ cộng hòa.
* Tiếp tục thực hiện chính sách ruộng đất đối với nông dân, trên nền tảng chế độ dân chủ nhân dân, vì vậy mang tính chất dân chủ mới.

**3. Đường lối kháng chiến**: tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính.

***a, Kháng chiến toàn dân***

*Lý luận* : Mác Lênin khẳng định: cách mạng phải là sự nghiệp của toàn dân, cách mạng mà lôi kéo được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia sẽ giành được thắng lợi. HCM cũng khẳng định: Dễ mười lần không dân cũng chịu. Khó vạn lần dân liệu cũng xong. Như vậy, dân là gốc của thắng lợi.

- *Thực tiễn* : Bất cứ cuộc chiến tranh nào mà đoàn kết được toàn dân sẽ giành được thắng lợi.

- *Từ lý luận và thực tiến* trên, Đảng chủ trương: Huy động toàn dân đáng giặc với bất kỳ mọi phương tiện vũ khí nào có trong tay

- *Mục đích*: Kháng chiến toàn dân nhằm huy động nhân lực, vật lực, tài lực, trí lực, tạo nên sức mạnh dân tộc, góp phần đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

***b, Kháng chiến toàn diện***

*Nguyên nhân*: Xuất phát từ viêc Pháp âm mưu xâm lược và thống trị Việt Nam trên mọi lĩnh vực, nên để đánh Pháp thắng lợi, phải đánh Pháp trên tất cả các mặt trận.

*- Phân tích trên mọi lĩnh vực:*

Kháng chiến toàn diện là kháng chiến trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, ngoại giao:

* **Chính trị**: Xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh, đoàn kết chính quyền, quân đội và nhân dân, liên minh ba nước Đông Dương đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược.
* **Kinh tế**: Xây dựng nền kinh tế tự cấp, tự túc; phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công nghiệp quốc phòng; phát động phong trào “Tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm
* **Văn hóa**: xóa bỏ nền văn hóa nô dịch ngu dân của Pháp, xây dựng nền văn hóa mới với ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng.
* **Quân sự**: Thực hiện vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ). Thực hiện du kích chiến, tiến lên chiến tranh chính quy nhằm tiêu diệt địch, giải phóng nhân dân và đất đai. Vừa đánh vừa bồi dưỡng, xây dựng lực lượng…
* **Ngoại giao**: Thực hiện “thêm bạn bớt thù”, đoàn kết với tất cả các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới, với các nước XHCN anh em, với nhân dân tiến bộ Pháp… kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

*- Mục đích* : Kháng chiến toàn diện nhằm huy động sức mạnh tổng hợp góp phần đưa cuôc kháng chiến đến thắng lợi.

***c, Kháng chiến lâu dài***

- Nguyên nhân:

* NN1 : Xuất phát từ tương quan so sánh *tương quan lực lượng* của ta và địch *quá chênh lệch.*

*+* Pháp:mạnh hơn ta rất nhiều,mạnh về kinh tế và quân sự,đó là một quân đội nhà nghề ,có trang bị vũ khí hiện đại, lại có sự hậu thuẫn của các nước đế quốc

+ Ta : kinh tế nghèo nàn,lực lượng vũ khí thô sơ,yếu.

* NN2: Âm mưu của Pháp là “đánh nhanh thắng nhanh” để kết thúc chiến tranh. *Còn Việt Nam, quân đội mới được thành lập, còn non trẻ, vũ khí thô sơ*.
* Kết luận: Vì vậy, Đảng phải chủ trương tiến hành kháng chiến lâu dài.

- Mục đích :

Kháng chiến lâu dài nhằm :

+ Từng bước làm thay đổi tương quan so sánh lưc lượng có lợi cho ta, biến yếu thành mạnh.

+ Phát huy thiên thời địa lợi nhân hòa tiêu diêt địch.

+ Nguyên tắc là lâu dài nhưng nếu thời cơ đến sẽ mở các cuộc tiến công để kết thúc chiến tranh.

+ Khẩu hiệu là “Trường kỳ, kháng chiến, nhất định, thắng lợi”.

***d, Dựa vào sức mình là chính***

- Nguyên nhân : VN tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp trong điều kiện bị bao vây từ bốn phía, vì vậy Đảng chủ trương dựa vào sức mình là chính.

- giải thích nội hàm : *Dựa vào sức mình là chính* nghĩa là tranh thủ sự ủng hộ từ bên ngoài, nhưng không trông chờ ỷ lại vào bên ngoài.

- mục đích: Dựa vào sức mình là chính nhằm chủ động huy động sức người, sức của lâu dài cho cuộc kháng chiến, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, nhân dân tiến bộ Pháp, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, góp phần đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

***\* Ý nghĩa đường lối kháng chiến chống Pháp***

* Cuộc kháng chiến của Đảng là sự kế thừa, nâng lên tầm cao mới tư tưởng quân sự

truyền thống của cha ông ta, là sự vận dụng lý  luận chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin và kinh nghiệm quân sự một số nước anh em.

* Đường lối kháng chiến của Đảng là đường lối đúng đắn,tài tình đấu tranh nhân dân,toàn

dân chống gặc.

* Là nhân tố đưa các cuộc kháng chiến đến thắng lợi.
* ***Những thắng lợi quân sự tiêu biểu***
* Thắng lợi của 60 ngày đêm (19/12 – 17/2/1947) nhân dân HN đã chiến

đấu với tinh thần cảm tử => chuyển toàn bộ cơ quan đầu não cũng như all máy móc quan trọng lên Việt Bắc, bảo toàn lực lượng để chuẩn bị cho cuộc kc lâu dài

* Chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947. Sau 75 ngày đêm chiến đấu liên tục,

vô cùng oanh liệt, thông minh, sáng tạo, anh dũng tuyệt vời ta đã đạt được những chiến thắng tiêu biểu:

+ Bảo toàn tuyệt đối an toàn cơ quan đầu não và căn cứ địa kháng chiến

+ bộ đội chủ lực có bước trưởng thành quan trọng về mọi mặt (cả lực lượng, về chiến thuật và kỹ thuật tác chiến)

+ đã đánh bại hoàn toàn ảo vọng chiến tranh đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp buộc chúng chuyển sang đánh lâu dài

* Chiến dịch Biên giới thu đông 1950 trải dọc theo tuyến biên giới Việt-Trung từ

thị xã Cao Bằng đến Đình Lập (giáp Móng Cái). Đây là chiến dịch quân sự lớn, quan trọng đầu tiên do quân ta chủ động mở và đạt được những thắng lợi:

+ trong suốt 30 ngày đêm liên tục chiến đấu anh dũng và quyết liệt và đã giành được thắng lợi to lớn

+ Loại hơn 8.000 tên địch, giải phóng và khai thông biên giới Việt Trung, chọc thủng hành lang Đông Tây và kế hoạch Rowve của Pháp bị phá sản

+ Chiến thắng này đã mở ra cục diện mới về mọi mặt, đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn phát triển cao hơn

**Câu 2: Làm rõ nội dung đại hội III của Đảng (9/1960) - những thắng lợi của CM hai miền 1954-1975.**

* ***Nội dung Đại hội III của Đảng***

Tháng 9- 1960, Đại hội lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Trong diễn văn khai mạc, Hồ Chí Minh khẳng định: “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”.

Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thông qua Nghị quyết về Nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới, thông qua Báo cáo về xây dựng Đảng và báo cáo về Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

***+ Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng từng miền:***

– Miền Bắc tiến hành Cách mạng CM xã hội chủ nghĩa

=> Có vai trò quyết định nhất đối vs sự phát triển cách mạng cả nước , đề ra đường lối chung của cả thời kì quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (CMVN) ở miền Bắc

-Miền Nam đẩy mạnh cách mạng dân chủ nhân dân ,thực hiện thống nhất nước nhà

=> Có vai trò quyết định trực tiếp đối vs sự nghiệp giải phóng miền Nam.

⇒ Nghị quyết của Đại hội là nguồn ánh sáng mới của toàn Đảng ,toàn dân xây dựng thắng lợi (CMVN) ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam ,thống nhất nước nhà

***+ Mối quan hệ của cách mạng hai miền:***

Hai chiến lược cách mạng thực hiện ở hai miền nhưng có mối quan hệ mật thiết, tác động thức đẩy lẫn nhau cùng phát triển và đều hướng vào mục tiêu chung trước mắt là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

**+ *Về hòa bình thống nhất Tổ quốc***:

Đại hội chủ trương kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, vì chủ trương đó phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước ta cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

**+ *Về triển vọng của cách mạng***

Đại hội nhận định cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân cả nước ta. Đó là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam. Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam Bắc nhất định sum họp một nhà.

***+ Về xây dựng chủ nghĩa xã hội***

Xuất phát từ đặc điểm của miền Bắc, trong đó, đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, Đại hội xác định rằng, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường, con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư­ liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Hạn chế trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đại hội khóa III là nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn giản đơn, chưa có dự kiến về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thành công lớn nhất của Đại hội lần thứ III của Đảng là đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, đường lối tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất Tổ quốc. Đó chính là *đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, vừa phù hợp với miền Bắc vừa phù hợp với miền Nam, vừa phù hợp với cả nước Việt Nam vừa phù hợp với tình hình quốc tế

* **Những thắng lợi của CM hai miền 1954-1975.**
* Chiến dịch Hòa Bình (12/1951) và chiến dịch Tây Bắc thu đông 1952 với

những thắng lợi tiêu biểu:

+ trận đánh vào khu hậu cần của Pháp ở Phú Thọ (Sài Gòn), đốt cháy hơn 5 triệu lít xăng, phá hủy hơn 1.000 quả bom và diệt gọn một đại đội quân Pháp

+ Chủ trương, chính sách về ruộng đất và cải cách ruộng đất của Đảng và Nhà nước ta được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau

+ Kế hoạch Nava dự kiến thực hiện trong vòng 18 tháng nhằm “chuyển bại thành thắng”. Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ và Hội nghị Giơnevơ kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược.

* Chiến dịch Điện Biên Phủ

+ Điện Biên Phủ trở thành một “pháo đài khổng lồ không thể công phá”, được giới quân sự, chính trị Pháp-Mỹ đánh giá là “một cỗ máy để nghiền Việt Minh”.

+ chiều 7-5-1954, Quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh chiếm hầm chỉ huy, bắt sống tướng Đờ Cátơri (De Castries) chỉ huy trưởng và toàn bộ Bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Toàn bộ lực lượng địch ở Điện Biên Phủ bị tiêu diệt và bị bắt sống. Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng

* Hội nghị Giơnevơ (Geneve-Thụy Sĩ) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa

bình ở Đông Dương

+ Hội nghị đã thông qua Bản Tuyên bố cuối cùng về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương có chữ ký của các bên. Bản Tuyên bố nêu rõ: Pháp và các nước tham dự Hội nghị long trọng cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Campuchia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước đó; cam kết chấm dứt cuộc chiến tranh và lập lại hòa bình trên bán đảo Đông Dương.

+ Đây là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; mở ra một trang sử mới cho dân tộc Việt Nam và mở đường cho cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất hoàn toàn cho nhân dân ba nước Đông Dương sau này.

**Chương 3:**

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA  
XÃ HỘI, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC,  
THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)**

**Câu 1: Tìm hiểu những nghị quyết quan trọng của Đảng 1976-1986?**

Đại hội Đại biểu Toàn quốc của Đảng Lao động Việt Nam được tổ chức vào tháng 12 năm 1976. Tại đây, Đại hội quyết nghị đổi tên nước thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam, khẳng định đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước.

- Nhiều hội nghị TƯ đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IV:

+ ***Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá IV (8-1979)***

Tháng 9 năm 1979, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IV tiến hành hội nghị lần thứ 6. Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm Văn Đồng đã đọc báo cáo mang tên Những vấn đề kinh tế cấp bách. Cuối cùng Hội nghị đã ra nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 20 tháng 9 năm 1979 với tinh thần chính là:

+ Cho phép kết hợp kế hoạch hóa với cơ chế thị trường

+ Sử dụng lại kinh tế tư nhân bao gồm cả tư bản tư nhân dưới sự quản lý của Nhà nước

+ Sửa lại giá lương thực và giá các nông sản khác theo hướng dựa trên thỏa thuận.

+ Cho phép địa phương tiến hành xuất nhập khẩu

***Hội nghị Trung ương 6(1979) là bước đột phá đầu tiên trong quá trình tìm tòi, khảo nghiệm đổi mới tư duy kinh tế của Đảng.***

+ Thực hiện chủ trương của Hội nghị trung ương 6, tháng 10-1979, Hội đồng Chính phủ công bố quyết định xóa bỏ những trạm kiểm soát ngăn sông cấm chợ. Người sản xuất có quyền đưa sản phẩm ra trao đổi ngoài thị trường không phải nộp thuế sau khi làm đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

Ngày 13-1-1981, ***Ban Bí thư ra Chỉ thị số 100/CT-TW về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp* (**gọi tắt là khoán 100**)*.*** Theo tinh thần của Chỉ thị này, mỗi xã viên nhận mức khoán trên một diện tích nhất định và tự mình làm 3 khâu, cày cấy, chăm sóc và thu hoạch, còn những khâu khác do hợp tác xã đảm nhiệm. Chỉ thị 100, tuy còn ở trình độ thấp, nhưng bước đầu đã có những cải tiến trong đổi mới quản lý sản xuất nông nghiệp ở nước ta, tạo nên không khí phấn khởi trong nông dân.

+ ***Đối với công nghiệp***, trên cơ sở tổng kết thực tiễn ở Thành phố Hồ Chí Minh và Long An, ngày 21-1-1981, ***Chính phủ đã ban hành Quyết định 25-CP về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh* và *Quyết định số 26-CP về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước.***

* Những chủ trương này đã tạo nên động lực thúc đẩy sản xuất công nghiệp có bước phát triển mới. ***Như vậy Chỉ thị 100 của Trung ương Đảng và QĐ 25, 26 CP của Chính phủ là bước đột phá tư duy kinh tế thứ 2 của Đảng.***

+ Trên mặt trận phân phối lưu thông, ngày 23-6-1980, **Bộ Chính trị ra Nghị quyết 26/NQ-TW** ***về cải tiến công tác phân phối, lưu thông***. Đây là lĩnh vực rất nóng bỏng trong đời sống kinh tế-xã hội ở nước ta thời đó. Nghị quyết tuy còn hạn chế, song đã đề ra mục tiêu, biện pháp và các bước cụ thể của việc cải tiến công tác phân phối lưu thông.

***Tóm lại****: những tìm tòi, đổi mới từng phần từ 1979-1981* được xuất phát từ thực tế cuộc sống, dựa trên những sáng tạo của nhân dân, của địa phương. Đó là những giải pháp tình thế, hướng vào giải quyết những khó khăn trước mắt về đời sống kinh tế, xã hội. Thực tiễn đòi hỏi Đảng phải tiếp tục tìm tòi đổi mới.

* ***Đại hội V của Đảng (3/1982) và những tìm tòi, khảo nghiệm đổi mới tư duy***

***kinh tế của Đảng (1982-1986)***

+ Ngày 17–18 tháng 2 năm 1982, Bộ Chính trị họp để xem lại Quyết định số 25/CP.

+ Ngày 15 tháng 5 năm 1982, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 04-CT/TW về việc mở một đợt sinh hoạt chính trị nhằm chấn chỉnh lại quan điểm và lập trường trong các vấn đề kinh tế.

+ Ngày 14 tháng 9 năm 1982, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 01-NQ/TW để uốn nắn lại những biểu hiện bị coi là chệch hướng ở thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ngày 30 tháng 11 năm 1982, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 11-CT/TW về việc huy động lương thực năm 1983, trong đó có yêu cầu "đình chỉ ngay" tình trạng mua lúa giá cao, bán vật tư giá cao, trở về cơ chế thu mua theo giá chỉ đạo.

+ Hội nghị Trung ương 3 khóa V được tổ chức vào đầu tháng 12 năm 1983. Một trong 3 nội dung chính của Hội nghị là bàn về "mấy vấn đề cấp bách trong công tác phân phối lưu thông. Sau hội nghị, phân phối-lưu thông được chấn chỉnh theo hướng trở lại cơ chế phân phối lưu thông trước nghị quyết số 26-NQ/TW năm 1980. Các công ty xuất nhập

khẩu địa phương được sáp nhập lại theo hướng mỗi tỉnh, thành chỉ còn một công ty xuất nhập khẩu.

+ Ngày 29 tháng 1 năm 1983, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 08-NQ/TW để uốn nắn lại những biểu hiện bị coi là buông lỏng quản lý ở Hà Nội.

***Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết đại hội V***

***+ Hội nghị Trung ương 8 khoá V (6-1985***) bàn về vấn đề giá, lương, tiền.

Hội nghị chủ trương dứt khoát xóa bỏ cơ chế bao cấp, thực hiện cơ chế một giá, chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, thừa nhận quy luật của sản xuất hàng hóa.

***Đây là bước đột phá tư duy kinh tế thứ ba của Đảng*** trong quá trình tìm tòi, đổi mới.

+ Tuy nhiên, sau Hội nghị Trung ương 8 (khóa V), tổng điều chỉnh giá- lương – tiền thất bại; lạm phát tăng vọt; kinh tế vĩ mô bất ổn. Hậu quả lớn nhất của cuộc điều chỉnh giá, tiền, lương, lần này đã làm cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng sâu sắc hơn.

+ Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, **Hội nghị Bộ Chính trị tháng 8-1986** đưa ra bản “*Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế*”. Đây là ***bước đột phá tư duy kinh tế cuối cùng của Đảng, đồng thời cũng là bước quyết định cho sự ra đời của đường lối đổi mới.***

***Như vậy, NQ hội nghi TƯ 6 (1979), Khoán 100 của Trung ương, QĐ 25-26 CP của chính phủ; Nghị quyết Đại hội V và các Hội nghị Trung ương khóa V, đặc biệt là NQ Bộ Chính trị (8/1986) đã thể hiện quá trình tìm tòi, khảo nghiệm, đấu tranh giữa quan điểm cũ và mới, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế. Những quan điểm mới được tổng tổng kết từ thực tiễn là cơ sở để Đảng đổi mới tư duy kinh tế ở Đại hội VI.***

**Câu 2:Làm rõ nd đường lối đổi mới toàn diện của Đảng ở Đại hội VI (1986)? Vì sao Đảng lại lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm?**

**I, Hoàn cảnh lịch sử**

* **Thế giới**

- Từ giữa thập kỷ 80, cuộc cách mạng khoa học công nghệ (đặc biệt là công nghệ thông tin) bùng nổ và tác động đến mọi mặt của cuộc sống . Khoa học –kỹ thuật, công nghệ trở thành động lực phát triển của nền kinh tế.

- Trước biến động của bối cảnh quốc tế, các nước XHCN tiến hành cải cách, cải tổ. Tuy nhiên, hệ thống các nước XHCN lâm vào khủng hoảng sâu sắc. Chế độ XHCN ở các nước Đông Âu lần lượt sụp đổ, cuối cùng là Liên Xô dẫn đến những biến đổi to lớn về quan hệ quốc tế.

- Các thế lực thù địch ra sức xuyên tạc chủ nghĩa Mác – Lênin, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng; lợi dụng những chiêu bài dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chống phá chế độ chính trị dưới sự lãnh đạo của ĐCS, trong đó có Việt Nam.

* **Trong nước**

- 10 năm xây dựng CNXH thì VN bước đầu đã đạt những kết quả quan trọng như hàn gắn chiến tranh khôi phục kinh tế và giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh bảo về tổ quốc. Tuy nhiên nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu,sản xuất nhỏ phổ biến, năng suất thấp, lao động phổ thông

- Hậu quả chiến tranh thiên tai hết sức nặng nề,hậu quả của 30 nhiều năm chiến tranh chống Pháp và Mỹ chưa khắc phục được.chúng ta phải gánh chịu hậu quả của 2 cuộc chiến tranh biên giới phía tây nam và phía bắc rất nặng nề , chiến tranh liên miên đặc biệt là vấn đề biển đông đối đầu với trung quốc .

- Do lãnh đạo quản lý nền kinh tế yếu kém của Đảng ,nhà nước đặc biệt là cuộc cải cách giá, lương, tiền làm cho kinh tế xã hội khủng hoảng trầm trọng, lạm phat tăng 774%, đời sống nhân dân thì khó khăn, lòng tin của nhân dân đối với Đảng thì giảm sút. Tình trạng tham nhũng, lãng phí tràn lan vv…

- Các thế lực thù địch thực hiện “diễn biến hòa bình”, nhằm xuyên tạc chủ nghĩa Mác – Lênin, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng; lợi dụng những chiêu bài dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chống phá chế độ chính trị ở nước ta

=> *Trước những biến động của tình hình thế giới và trong nước,* *Đảng khẳng định: phải nhìn thẳng vào sự thật, phải nói rõ sự thật, phải đánh giá đúng tình hình, phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế.*

**II, Đổi mới về kinh tế của Đại hội VI (1986)**

* **Bốn bài học kinh nghiệm**

Đảng nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm trong thời kỳ 1975-1986. Đại hội đã rút ra 4 bài học kinh nghiệm:

*+ Một là,* trong toàn bộ hoạt động của mình Đảng phải phải quán triệt tư tưởng: “lấy dân làm gốc”, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

*+ Hai là,* Đảng phải xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

*+ Ba là,* kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.

+ *Bốn là,* xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng XHCN.

* **Nhận thức về thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta: 3 vấn đề**

+ Đại hội khẳng định thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam là một quá trình lịch sử tương đối lâu dài, phải trải qua nhiều chặng đường; nước ta đang ở những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đi lên CNXH.

+ Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh CNHXHCN trong chặng đường tiếp theo.

+ Mục tiêu cụ thể trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất; xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới; tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội; đảm bảo nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

* **Đổi mới về kinh tế**
* **Về cơ cấu kinh tế**

+ Bố trí cơ cấu kinh tế hợp lý: nông nghiệp - công nghiệp và dịch vụ.

*=>Đảng đã nhìn ra thế mạnh của Việt Nam là nền kinh tế nông nghiệp và đặt nông nghiệp lên hàng đầu để phát triển .*

+ Muốn nông nghiệp trở thành mặt trận hang đầu đại hội VI đã tập trung thực hiện 3 chương trình mục tiêu: lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu

*=>Coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hóa ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.*

* **Về cải tạo xã hội chủ nghĩa**

+ Đẩy mạnh cải tạo XHCN là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH, với những hình thức và bước đi thích hợp, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

* *Những năm 85 trở về trước , chúng ta cho rằng xây dựng quan hệ sản xuất mới*

*quan hệ sản xuất mới này xây dựng trên 2 hình thức đó là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể (hay là sở hữu công ) . Nền kinh tế như vậy là nền kinh tế quan liêu bao cấp : đó là nền kinh tế bị thâu tóm bới nhà nước . Nhà nước bảo làm A thì phải làm theo A . Nhẽ ra lực lượng sản xuất phải quyết định quan hệ sản uất nhưng chúng ta đấp đặt xây dựng quan hệ sản xuất mới này để phát triển lực lượng sản xuất thì nó dẫn đến không phát triển được . Thực tiễn đã chứng minh quan hệ sản xuất đã kìm hãm lực lượng sản xuất . Đặc biệt thời kì 10 năm quá độ năm 76 – 86 quan hệ sản xuất đã không thúc đẩy được lực lượng sản xuất dẫn đến kinh tế không phát triển được mà rơi vào tình trạng khủng hoảng suy thoái trầm trọng . Vậy nên đại hội VI đã nói phải có bước đi thích hợp và phải xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.*

+ Sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế, thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế. Đại hội VI khẳng định sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ: Kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế gia đình, kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể), kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.

* *Trước đổi mới : chúng ta cho rằng xóa bỏ tư hữu , tư hữu đồng nghĩa với bóc lột , vì chúng ta cho rằng XHCN là xóa bỏ áp bức bóc lột chính vì vậy mà không chấp nhận kinh tế tư nhân .*
* *Cải tạo XHCN ở đại hội VI , chúng ta đã thừa nhận tư hữu , thừa nhận trong thời kì quá độ có nhiều hình thức sở hữu ( sở hữu toàn dân , sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân ) , có nhiều thành phần kinh tế ( Kinh tế quốc doanh thuộc sở hữu toàn dân , kinh tế tập thể và kinh tế gia đình thuộc sở hữu tập thể , kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa , kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước thuộc sở hữu tư nhân ) trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo .*

* **Về cơ chế quản lý kinh tế**

+ Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp ( là cơ chế được thâu tóm bởi Nhà Nước , Nhà Nước bảo làm A thì làm A , Làm B thì làm theo B -> làm cho nền kinh tế trì trệ không phát triển và rơi vào khủng hoảng ) chuyển sang hạch toán, kinh doanh XHCN, kết hợp kế hoạch với thị trường.

+ Về đối ngoại:

Đại hội VI khẳng định mở rộng quan hệ với tất cả các nước trên TG trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền và các bên cùng có lợi. Trong đó nhấn mạnh: tăng cường quan hệ với 3 nước Đông Dương; sẵn sàng thương lượng và hợp tác với các nước ĐNA; tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước XHCN; bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc; mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước phương Tây, sẵn sàng cải thiện quan hệ với Mỹ.

Củng cố quan hệ với đông nam á, các nước xã hội chủ nghĩa, phương tây và mỹ ; vấn đề mấu chốt là campuchia

**III, Ý nghĩa**

* Đại hội VI của Đảng là Đại hội khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu

bước ngoặt phát triển mới trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Chủ trương đổi mới toàn diện của Đảng được tập trung về đổi mới tư duy kinh tế.

* Đường lối đổi mới của Đại hội VI được triển khai đi vào cuộc sống đã từng bước

đưa kinh tế - xã hội của đất nước ra khỏi khủng hoảng, đời sống nhân dân được nâng cao.

* Qua việc đổi mới đã cho ta Thấy được Đảng đã linh động biết nhận và sửa lỗi khi

nhận ra đường lối kinh tế trước đó sai , biết vận dụng linh hoạt sáng tạo và đúng đắn

* Đảng lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm vì:

- Trong xu thế của thế giới sau chiến tranh, các quốc gia đều tập trung phát triển kinh tế nhằm xây dựng sức mạnh thực sự của mỗi quốc gia, kinh tế là nền tảng, cơ sở tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia. Nếu kinh tế yếu thì ắt chính trị - xã hội sẽ không ổn định và ngược lại.

*-> Nhận thức được vấn đề đó, trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn chú trọng đối mới về kinh tế.*

***-*** Những năm giữa thập kỷ 80, nền kinh tế nước ta phổ biến vẫn là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, hậu quả chiến tranh, thiên tai tàn phá nặng nề. Kinh tế xã hội khủng hoảng trầm trọng, lạm phát tăng, đời sống nhân dân thì khó khăn, lòng tin của nhân dân đối với Đảng thì giảm sút.

-> *Nhiệm vụ cấp bách là* phát triển kinh tế để cải thiện đời sông nhân dân, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng *-> tạo ra của cải dư thừa -> phát triển xã hội, kinh tế , có thực mới vực được đạo , mấu chốt phát triển là kinh tế -> dân làm nền tảng kinh tế để phát triển các lĩnh vực khác.*

**Câu 3: Tìm hiểu và phân tích quan điểm xây dựng và phát triển nền văn hóa VN thời kỳ đổi mới (1998- nay)? Liên hệ với bản thân sv?**

***1. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.***

**+ Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội.**

Văn hoá được cấu thành bởi một hệ các giá trị tạo nên bản sắc của mỗi dân tộc. Các giá trị này thấm nhuần trong mỗi con người và cả cộng đồng, được tiếp nối qua các thế hệ, được vật chất hoá bền vững trong cấu trúc kinh tế - xã hội. Nó tác động hàng ngày đến cuộc sống vật chất - tinh thần của mọi thành viên bằng môi trường văn hoá - xã hội

**+ Văn hoá là động lực thúc đẩy sự phát triển**

Văn hoá là kết quả của sự sáng tạo của con người thể hiện tiềm năng sáng tạo của dân tộc. Vì vậy nó là nguồn lực nội sinh cho sự phát triển của dân tộc đó.

Trong nền kinh tế tri thức thì tri thức, kỹ năng trở thành nguồn lực quan trọng nhất cho sự phát triển

Vai trò động lực và điều tiết của văn hoá trong kinh tế thị trường

Vai trò động lực của văn hoá trong hội nhập và bảo vệ môi trường

Văn hoá có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người và xây dựng xã hội mới

**+ Văn hoá là một mục tiêu của phát triển**

Mục tiêu: “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ công bằng văn minh” là mục tiêu văn hoá

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội xác định: *“Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người”.* Đó là chiến lược phát triển bền vững

Trong thực tế nhận thức và hành động, mục tiêu kinh tế vẫn thường lấn át mục tiêu văn hoá. Văn hoá vẫn thường bị xem là lĩnh vực đứng ngoài kinh tế. Hệ quả là kinh tế có thể tăng trưởng nhưng văn hoá bị suy giảm

**+ Văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng trong bồi dưỡng phát huy nhân tố con người**

- Phát triển kinh tế, xã hội cần rất nhiều nguồn lực: tài nguyên, vốn, khoa học công nghệ, thể chế… Đây là những nguồn lực có hạn và có thể bị khai thác cạn kiệt. Chỉ có trí tuệ của con người mới là nguồn lực vô hạn, có khả năng tái sinh và tự sinh không bao giờ cạn kiệt. Đặc biệt các nguồn lực khác sẽ không được sử dụng có hiệu quả nếu không có nguồn lực con người có trí tuệ để khai thác chúng. Như vậy, để bồi dưỡng và phát huy được nguồn nhân lực chất lượng cao, văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng:

- Năm 1990, Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) đã đưa ra tiêu chí mới để đánh giá mức độ phát triển của một quốc gia: chỉ số phát triển con người; mức thu nhập bình quân và tuổi thọ. Chỉ số phát triển con người là thành tựu của giáo dục. Theo đó, quốc gia nào đạt được thành tựu giáo dục cao, tức là có vốn trí tuệ con người và xã hội phát triển hơn. Tài nguyên con người đó chính là vốn trí tuệ của một dân tộc.

+ Với ***chức năng giáo dục***, văn hóa có vai trò trong việc xây dựng nguồn nhân lực có tri thức, hiểu biết về mọi lĩnh vực đời sống xã hội, từ kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục đến khoa học - công nghệ, v.v.. Tất cả tri thức đó đều dựa trên một nền tảng học vấn vững vàng, trình độ ngày càng cao, phù hợp với xu thế của thời đại.

+ Văn hóa đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong **định hướng** cho con người và xã hội, nhất là thế hệ trẻ, hướng đến những giá trị cốt lõi Chân - Thiện - Mỹ trong truyền thống nhân văn của dân tộc ta, đồng thời nâng các giá trị ấy lên ngang tầm thời đại.

+ Văn hóa có khả năng khơi dậy tính sáng tạo của con người trong xu hướng phát triển văn hóa nói chung, chất lượng nguồn nhân lực nói riêng; xây dựng con người có phẩm chất về tư tưởng, lý tưởng, đạo đức, lối sống, đặc biệt là nhân cách văn hóa và khát vọng, đáp ứng những đòi hỏi của CMCN 4.0 cũng như công cuộc hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay và trong tương lai.

+ Với ***chức năng* điều tiết,** văn hóa ngày càng thể hiện rõ hơn các mối quan hệ giữa con người với chính bản thân mình, con người với môi trường tự nhiên và con người với cộng đồng xã hội. Nói cách khác, chức năng điều tiết của văn hóa thể hiện ở sự tác động đếnđiều chỉnh*và*tự điều chỉnh từ nhận thức, hành vi đến mọi hoạt động của mỗi người và của cả cộng đồng trong xã hội.

Một cách tổng quát, nhằm đáp ứng cho công cuộc xây dựng đất nước hiện nay: Văn hóa phải hướng tới việc giáo dục, đào tạo con người hội tụ được những phẩm chất tốt đẹp, vừa mang đậm nét truyền thống, cốt cách con người Việt Nam vừa phải phù hợp với những yêu cầu của thời đại. Thực hiện những chức năng như nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ, giải trí, kế tục và phát triển lịch sử... văn hoá đóng vai trò quyết định trong việc hình thành các phẩm chất, nhân cách ở con người; nuôi dưỡng và phát triển nguồn lực con người chất lượng cao, có đức có tài; góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội.

***2. Nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc***

* **Nền văn hóa tiên tiến:**

***+* Văn hóatiên tiến***:* Là yêu nước và tiến bộ, đậm đà tính nhân văn sâu sắc. Trong thời kỳ dưới sự lãnh đạo của Đảng, nội dung cốt lõi của văn hóa tiên tiến là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mac lênin và tu tưởng Hồ Chí Minh. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong phương tiện chuyển tải nội dung.

**Thứ nhất, nền văn hóa tiên tiến là nền văn hóa thể hiện tinh thần yêu nước và tiến bộ.**

Đặc trưng tiên tiến của nền văn hóa hiện đại dựa trên các giá trị văn hóa cao đẹp và tiến bộ của dân tộc và thời đại. Đó là chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - cơ sở chỉ đạo đời sống tinh thần dân tộc và là thành tố quan trọng của văn hóa.

Tính “tiên tiến” của nền văn hóa Việt Nam thể hiện ở mục tiêu mà nền văn hóa hướng tới là “độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”.

**Thứ hai, nền văn hóa tiên tiến phải thể hiện tinh thần nhân văn cách mạng.**

Xây dựng nền văn hóa nhân văn là hướng tới con người, giải phóng con người, phát triển và hoàn thiện con người. Chủ nghĩa Mác-Lênin là chủ nghĩa nhân văn “trực tiếp nhằm vào hành động” để giải phóng con người theo ý nghĩa cách mạng cao quý đó. Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh tinh thần giải phóng con người như là mục đích tối thượng của chủ nghĩa Mác-Lênin “muốn chủ nghĩa cộng sản thực hiện được, mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình”.

**Thứ ba, nền văn hóa tiên tiến là nền văn hóa mang tinh thần dân chủ.**

- Dân chủ là đặc trưng cơ bản của nền văn hóa tiên tiến, dân chủ là yếu tố làm thay đổi nhiều mặt đời sống văn hóa dân tộc. Dân chủ là động lực cho sự phát triển tài năng, nhu cầu sáng tạo của quần chúng nhân dân góp phần làm phong phú, đa dạng nền văn hóa dân tộc. Dân chủ gắn liền với tự do sáng tạo, tôn trọng cá tính sáng tạo, ý kiến cá nhân, giá trị cá nhân trong văn hóa và mọi hoạt động của đời sống xã hội.

**Thứ tư, nền văn hóa tiên tiến bao gồm tính hiện đại.**

- VH phải dần tiến kịp và hòa nhập với trình độ hiện đại của thế giới, phải hướng tới cuộc cách mạng khoa học và công nghệ để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- nâng cao trình độ tư duy khoa học, duy lý trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường, giải quyết các vân đê dân tộc đặt ra trên tầm thời đại.

- Nền văn hóa mới phải tạo ra những phẩm chất, đạo đức, tâm hồn, lối sống con người Việt Nam hiện đại ngang tầm với sự nghiệp đổi mới đất nước.

**Thứ năm, nền văn hóa tiên tiến thể hiện ở hình thức biểu hiện, phương tiện chuyển tải nội dung.**

Sử dụng các hình thức sáng tạo mới bằng các công nghệ hiện đại làm sâu sắc, phong phú và đa dạng các sản phẩm văn hóa dân tộc. Có cách thức và phương pháp tiên tiến để chuyển đổi nội dung và làm mới các giá trị văn hóa cổ truyền cho phù hợp với thời đại. Đồng thời phải xây dựng kết cấu hạ tầng của xã hội và văn hóa từng bước hiện đại hóa.

* **Nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc:**

Bản sắc văn hóa của một dân tộc là những đặc trưng về văn hóa, về đời sống tinh thần dân tộc ấy, là những nét đặc biệt, độc đáo về tinh thần, về văn hóa, về cách sống và sức sáng tạo để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác.

Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam là hạt nhân của tinh thần sáng tạo của dân tộc, truyền từ đời này sang đời khác, được làm giàu thêm bằng kinh nghiệm cuộc sống và sự sáng tạo của các thế hệ.

- Ví dụ về hoạt động nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc :

Hằng năm, nước ta diễn ra rất nhiều các lễ hội khác nhau, nhằm thể hiện nét đẹp truyền thống từ xa xưa và giữ gìn bản sắc dân tộc. Một số lễ hội điển hình như:

- 10/3 âm lịch diễn ra ngày giỗ tổ Hùng Vương

- Lễ hội chùa Hương đầu năm

- 8/4 âm lịch diễn ra lễ hội Thánh Gióng

Ví dụ:  
– Áo dài VN là 1 nét văn hóa truyền thống của người Việt đã truyền từ đời này qua đời khác, và tiếp thu tính tiên tiến trong nền văn hóa và bắt kịp với nhịp sống hiện đại người dân VN đã sáng tạo nên những chiếc áo dài cách tân cách điệu nó đi mà vẫn giữ nét duyên dáng và cái truyền thống của áo dài mà k làm mờ nhạt đi cái văn hóa riêng đó.

***\* Bản sắc dân tộc của nền văn hóa mới được thể hiện như sau:***

+ Bao gồm cả những giá trị văn hoá truyền thống bền vững của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Đó là truyền thống yêu nước nồng nàn, ý chí tự lực tự cường, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân-gia đình-làng xã- Tổ quốc, đó là lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, là đức cần cù, sáng tạo trong lao động, tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống… Còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo

+ Bản sắc dân tộc thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; cách tư duy, cách sống, cách dựng nước giữ nước, cách sáng tạo trong văn hoá, khoa học, nghệ thuật… nhưng được thể hiện sâu sắc trong hệ giá trị của dân tộc.

+ Để xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta vừa giữ gìn bản sắc dân tộc, đồng thời phải tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu văn hóa quốc tế, tiếp thu có chọn lọc cái hay, cái đẹp, cái tiến bộ trong văn hóa của các dân tộc khác để bắt kịp sự phát triển của thời đại, cũng là xây dựng thang giá trị mới của văn hóa Việt Nam.

**- Để xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta cần:**

+ Kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, đổi mới bản sắc dân tộc phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đem lại hạnh phúc cho nhân dân.

+ Phát triển văn hóa dân tộc đi đôi với giao lưu văn hóa với nước ngoài, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại làm giàu đẹp thêm văn hóa Việt Nam. Ngăn chặn và đấu tranh chống sự xâm nhập của những sản phẩm văn hóa, phản giá trị, chống lại âm mưu “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng của các thế lực phản động hiện nay.

- Đứng trước những khó khăn và thách thức mới, chúng ta càng phải nhận thức được vai trò của bản thân trong xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo định hướng đã đề ra để góp phần xây dựng nền VH VN…,

**Liên hệ bản thân sinh viên:**

– Là công dân Việt Nam, chúng em luôn luôn tự hào về các truyền thống văn hóa lâu đời, đậm đà bản sắc dân tộc, tự hào về con người Việt, quê hương, đất nước Việt Nam…, có tinh thần yêu nước, luôn có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu. Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh , cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng, và luôn có ý thức bảo vệ môi trường.

*Truyền thống yêu nước:*

Chúng em nhận thức được rằng việc học tập và rèn luyện chính là yêu nước và chúng em sẽ cố gắng học tập tốt hơn nữa để tiếp tục phát huy và kế thừa những gì cha ông ta đã để lại

*+Tình cảm gắn bó với quê hương, đất nước: Người Việt luôn hướng về nguồn cội, ông bà, tổ tiên và quê hương của mình.*

*+ Tình thương yêu đồng bào, dân tộc, giống nòi: mỗi người dân Việt Nam yêu nước luôn cảm thông sâu sắc với nỗi đau của đồng bào, mong muốn đồng bào của mình có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc.*

*Ví dụ chứng minh: tham gia các hoạt động từ thiện,xây dựng trường học, bệnh viện ở những vùng xa xôi.*

*+ Lòng tự hào dân tộc chính đáng: sinh viên Việt Nam luôn tự hào về các truyền thống văn hóa lâu đời, đậm đà bản sắc dân tộc, tự hào về con người Việt, quê hương, đất nước Việt Nam…*

*Truyền thống uống nước nhớ nguồn :*

***- Bác Hồ từng dạy: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Câu nói đó thể hiện thái độ trân trọng, biết ơn đối với những hy sinh của thế hệ trước mà cụ thể là vua Hùng để từ đó rút ra trách nhiệm của bản thân, của thế hệ sau với tương lai đất nước.***

**Ví dụ chứng minh: tổ chức đám giỗ để tưởng nhớ ông bà, tổ tiên, tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa…**

***Tinh thần đoàn kết****, tương thân tương ái:*

*Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Đây là câu nói bất hữu của Bác, đã thắm sâu vào huyết mạch của con người Việt Nam, dù ở nơi đâu, cương vị nào cũng luôn hướng về cội nguồn của dân tộc, đoàn kết thành một khối thống nhất. “Tương thân, tương ái” giúp đỡ lẫn nhau vượt qua mọi khó khăn, thách thức trong bất cứ hoàn cảnh nào.*

**Ví dụ chứng minh: tham gia các hoạt động từ thiện, các hoạt động hiến máu nhân đạo, quyên góp tiền để ủng hộ đồng bào lũ lụt, những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, những người khuyết tật…**

*Cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập để xây dựng và phát triển đất nước, phát triển nền văn hóa.*

**Ví dụ chứng minh:**

– Là sinh viên, chúng em luôn đặt việc tôn sư trọng đạo lên đầu, giữ gìn đạo đức và nhân cách con người, có ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung. Thường xuyên trau dồi kiến thức, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn của mình. Và thường xuyên tìm hiểu về văn hóa cội nguồn dân tộc để luôn có cái nhìn đúng đắn về văn hóa dân tộc.

– Giới thiệu tuyên truyền giao lưu văn hóa với bạn bè quốc tế về tinh hoa, bản sắc văn hóa VN để bạn bè quốc tế hiểu rõ hơn về Việt Nam, tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học và các tiến bộ của nước ngoài.

– Sinh viên tiếp thu những tiến bộ, những công nghệ tiên tiến, tiếp thu bình đẳng giới, dân chủ và nhân quyền…trên tinh thần phù hợp với văn hóa dân tộc.

***3. Nền văn hóa Việt Nam thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.***

+ Hơn 50 dân tộc trên đất nước ta đều có những giá trị và bản sắc văn hoá riêng, bổ sung cho nhau

+ Cả cộng đồng các dân tộc Việt Nam có nền văn hoá chung thống nhất

+ Thống nhất bao hàm cả tính đa dạng, đa dạng trong sự thống nhất

*Chủ thể xây dựng, phát triển văn hóa*

- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Để xây dựng đội ngũ trí thức, Đảng ta khẳng định: giáo dục và đào tạo, cùng với khoa học và công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng thì xây dựng văn hoá là công việc do mọi người cùng thực hiện.

Văn hoá thẩm thấu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội do đó thực hành văn hoá là hoạt động hàng ngày của mỗi người dân.

Quần chúng là người hưởng thụ, tiêu dùng, phổ biến, sáng tạo và lưu giữ các tài sản văn hoá.

Các thành phần kinh tế cùng tham gia xây dựng, phát triển văn hoá.

Các lực lượng văn hoá chuyên nghiệp giữ vai trò nòng cốt.

1. **Văn hóa là sự nghiệp chung của toàn dân do Đảng lãnh đạo , trong đó đội ngũ**

**trí thức giữa vai trò quan trọng**.

Bất cứ cuộc cách mạng nào muốn thành công đều phải là sự nhgieepj cách

mạng của toàn dân, trong đó có cách mạng văn hóa, nhằm đoàn kết công nhân, nông dân, tư sản, trí thức…tạo nên sức mạnh dân tộc để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiến bộ. Trong khối đại đoàn kết dân tộc đó, trí thức đóng một vai trò quan trọng, bởi vì đây là tầng lớp có tri thức, hiểu biết, nắm bắt nhanh nhưngx giá trị văn hóa của thời đại đồng thời biét giữ gìn truyền thống bản sắc dân tộc. Vì vậy Đảng khẳng định giao dục đào tạo cùng với khoa học công nghệ phải trở thanh quốc sách hàng đầu.

1. ***Văn hóa là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách***

***mạng lâu dài đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.***

- Văn hoá là một mặt trận của cách mạng Việt Nam, quan trọng và gian khổ

không kém mặt trận kinh tế, mặt trận chính trị.

-Hoạt động “xây” và “chống” trong văn hoá là quá trình cách mạng lâu dài, khó khăn, phức tạp, cần có ý chí cách mạng, có tính chiến đấu, cần sự kiên trì, thận trọng.

*Định hướng phát triển nền văn hóa Việt Nam*

- Phát triển văn hoá gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội:

+ Xác định mục tiêu phát triển văn hoá phải căn cứ và hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế và ngược lại.

+ Phải xây dựng chính sách kinh tế trong văn hoá để gắn văn hoá với hoạt động kinh tế, khai thác tiềm năng kinh tế của văn hoá.

+ Phải xây dựng chính sách văn hoá trong kinh tế để chủ động đưa các yếu tố văn hoá thâm nhập vào các hoạt động kinh tế - xã hội.

- Làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội:

Đó là con đường để các giá trị văn hoá trở thành nền tảng tinh thần bền vững của xã hội, trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, mở rộng giao lưu, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại:

+ Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán và lề thói cũ.

+ Chủ động tham gia hội nhập và giao lưu văn hoá với các quốc gia, xây dựng những giá trị mới của văn hoá đương đại.

- Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao:

Đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý nội dung, phương pháp dạy và học, thực hiện “chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”, chấn hưng nền giáo dục Việt Nam.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ.

Phấn đấu đến năm 2010 năng lực khoa học và công nghệ nước ta đạt trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực trên một số lĩnh vực quan trọng.

- Xây dựng và hoàn thiện các giá trị mới và nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

**Câu 4: Làm rõ thành tựu và hạn chế của 35 năm đổi mới?**

**\* *Những thành tựu***

**- Về kinh tế:**

Đảng chú trọng đổi mới tư duy lý luận, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế. Nền kinh tế chuyển từ kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN (Đại hội VI, VII, VIII), sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN (Đại hội IX đến XIII)

Nền kinh tế được hình thành với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế:

\* Có 5 loại hình kinh tế

+ Kinh tế nhà nước (toàn dân)

+ Kinh tế tập thể

+ Kinh tế tư nhân

+ Kinh tế tư bản nhà nước ( thuộc sở hữu tư nhân)

+ Kinh tế vốn đầu tư nước ngoài

Trong đó

* Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo
* Kinh tế nhà nước (toàn dân ), kinh tế tập thể được đổi mới gắn với cơ chế thị trường.
* Kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định là động lực quan trọng của nền kinh tế.
* Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế nước ta.

\* Có 3 loại hình thức sở hữu :

+ Sở hữu nhà nước ( toàn dân )

+ Sở hữu tập thể

+ Sở hữu toàn dân

Về thực tiễn

\* Thành tựu về dân số ( số liệu )

+ Sau 10 năm (1986-1996), nền kinh tế Việt Nam ra khỏi khủng hoảng (Lạm phát từ 774% (1986) xuống 12% (1995); đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

+ Năm 2008, VN ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành quốc gia có thu nhập trung bình.

+ Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn: trong 10 năm 2001-2010 tăng trưởng 7,26% /năm, 2011-2015; 2016-2020 khoảng 6%/ năm.

+ Thu nhập bình quân đầu người tăng lên: năm 2010 đạt 1.168 USD (gấp 3 lần so với năm 2000); Năm 2011-2015, quy mô và tiềm lực của nền kinh tế tiếp tục tăng lên; GDP năm 2015 đạt 193,4 tỉ USD, bình quân đầu người khoảng 2.109 USD; năm 2018 đạt 2.500 USD, năm 2020 đạt 2.700 USD, VN đã ra khỏi nhóm nước có thu nhập thấp; Năng suất lao động tăng từ 4,3% (2011-2015) lên khoảng 6% (2016-2020).

***Về chính trị***: Chính trị ổn định: quá trình phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trịcó trịnhiều chuyển biến tích cực và ngày càng được mở rộng. Hệ thống chính trị từng bước được đổi mới để phù hợp yêu cầu của đất nước trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường địnhhướng XHCN và hội nhập quốc tế. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả quan trọng... Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường

**Về văn hóa – xã hội**: Văn hoá, xã hội đạt được nhiều thành tựu trong giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy các giá trị văn hóa; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên. Đã hoàn thành phần lớn mục tiêu Thiên niên kỷ do Liên Hợp quốc đề ra cho năm 2015.

Chỉ số phát triển con người tăng từ 0,683 năm 2000 lên 0,733 năm 2008, xếp thứ 100/77 nước tham gia xếp hạng. Thu nhập thực tế sau 10 năm gấp 3,5 lần so với năm 2000; Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân cả nước từ 1,5 -2% /năm; năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 6%; xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả, chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn giảm (từ 2,3 lần năm 1999 xuống còn 2,09 lần năm 2004 và 2 lần năm 2008).

**Về ngoại giao**: Quan hệ đối ngoại ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao; đóng góp ngày càng tích cực và có trách nhiệm với khu vực và thế giới. Đến năm 2018, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 188 nước trong tổng số 193 nước thành viên Liên hợp quốc. Có quan hệ với tất cả các nước lớn trong Hội đồng Bảo An Liên Hợp quốc. Đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với các nước như Nga, Trung Quốc nước, Nhật Bản… đối tác toàn diện với nhiều nước…

**Về quốc phòng an ninh**: Quốc phòng, an ninh được tăng cường; nhận thức và thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với nhiệm vụ quốc phòng và an ninh ngày càng hoàn thiện…Những kết quả đạt được trong xây dựng kinh tế - quốc phòng, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị trên đất liền và phân định trên biển với các nước liên quan, đã góp phần nâng cao thế và lực của đất nước, tăng cường sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc.

Tóm lại: những thành tựu trên đã *tạo tiền đề, nền tảng quan trọng* để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là *phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử*.

**\* *Hạn chế, khuyết điểm:***

*-* Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải tổng kết để tiếp tục làm rõ.

- Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Trong 10 năm gần đây, kinh tế vĩ mô có lúc thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp.

- Đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội.

- Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994) nêu lên vẫn tồn tại (tụt hậu xa về kinh tế, chệch hướng XHCN, tham nhũng trong Đảng, âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch), có mặt diễn biến phức tạp, khó lường. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút….

\* **Một số kinh nghiệm trong 30 năm đổi mới**

*Một là,* trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

*Hai là,* đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

*Ba là,* đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; tôn trọng quy luật, xuất phát, bám sát và coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận.

*Bốn là,* đặt lợi ích quốc gia-dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

*Năm là,* thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường quan hệ mật thiết với nhân dân.